

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 46 /2008/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (không thuộc đất công) sang đất phi nông nghiệp (đất ở, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và đất chuyên dùng khác) trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Căn cứ Pháp lệnh Thủ đô và Nghị định số 92/2005/NĐ-CP ngày 12/7/2005 về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thủ đô;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 3/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất; Thông

tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số 922/TT –TNMTNĐ ngày 14/3/2008 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 812/STP-VBPQ ngày 21/5/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định về chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (không thuộc đất công) sang đất phi nông nghiệp (đất ở, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và đất chuyên dùng khác) trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành thành phố; Chủ tịch UBND các quận huyện, phường, xã, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
(để báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ XD, Bộ TN&MT, Bộ TC;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Viện KSND TP, Tòa án ND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- UBMTTQTP, LĐLĐTP;
- VP HĐND TP, Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- CPVP, TH, PC, XD, KT, Công báo, Nn, Nth;
- Lưu : NTh, VT. ✓

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2008

QUY ĐỊNH

Về chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (không thuộc đất công) sang đất phi nông nghiệp (đất ở, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và đất chuyên dùng khác) trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2008/QĐ-UB ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở; đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư (không thuộc đất công) sang đất phi nông nghiệp (đất ở, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và đất chuyên dùng khác) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở” là đất nằm trong phạm vi khu dân cư đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp khu dân cư chưa có quy hoạch được phê duyệt thì xác định theo ranh giới hiện trạng của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư) và là phần diện tích được xác định là đất vườn, ao khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. “Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư” là đất nằm trong phạm vi khu dân cư đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp khu dân cư chưa có quy hoạch được phê duyệt thì xác định theo ranh giới hiện trạng của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư) và là đất được xác định là đất nông nghiệp khi cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cùng với quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất phải là người chấp hành tốt pháp luật đất đai ở địa phương và có văn bản cam kết:

1.1. Bàn giao cho các tổ chức quản lý chuyên ngành phần diện tích nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng, đê, sông, kênh, mương, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình an ninh, quốc phòng, quy hoạch thoát lũ theo quy định.

1.2. Bàn giao cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phần diện tích nằm trong phạm vi chỉ giới mở đường quy hoạch và lối đi sử dụng chung của khu vực theo quy định.

1.3. Nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định khi được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Diện tích đất xin chuyển mục đích sử dụng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn (gọi tắt là quy hoạch) đã được phê duyệt; không nằm trong chỉ giới mở đường quy hoạch, phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng, đê, sông, kênh, mương, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình an ninh, quốc phòng, quy hoạch phòng chống lũ và diện tích dành lối đi sử dụng chung của khu vực.

Điều 4. Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất

1. Thời hạn sử dụng đất đối với diện tích được chuyển mục đích sử dụng sang đất ở là lâu dài.

2. Thời hạn sử dụng đất đối với diện tích được chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định theo đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất hoặc phương án sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không quá 50 năm kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Khi hết hạn, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng, chấp hành đúng pháp luật đất đai trong quá trình sử dụng và việc sử dụng đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

Điều 5. Thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Điều 6. Thực hiện chế độ tài chính về đất khi được phép chuyển mục đích sử dụng đất

1. Chuyển từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ.

2. Chuyển từ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở thì thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 198/2006/NĐ-CP ngày 03/12/2006 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

3. Chuyển từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng chưa được công nhận là đất ở, đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh thì thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 Chính phủ (nếu hộ gia đình, cá nhân lựa chọn hình thức giao đất trong thời hạn, có thu tiền sử dụng đất); Trường hợp hộ gia đình, cá nhân lựa chọn hình thức thuê đất thì nộp tiền thuê hàng năm theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

4. Giá đất để tính, thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều này do Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 sửa, đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỒ SƠ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 7. Trình tự, thủ tục hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nộp một (01) bộ hồ sơ tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, hồ sơ gồm:

- Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất (theo mẫu);

- Phương án sản xuất, kinh doanh (nếu chuyển mục đích sử dụng đất sang làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp); Trường hợp xây dựng nhà ở bán thì phải thực hiện theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản;

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng thửa đất xin chuyển mục đích (nếu có);

- Bản sao hộ khẩu thường trú và chứng minh thư nhân dân;

- Văn bản cam kết theo quy định tại khoản 1 Điều 3 bản quy định này;

- Kết quả thẩm tra, xác minh hiện trạng sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, gồm các nội dung:

+ Trích lục bản đồ địa chính các thửa đất xin chuyển mục đích sử dụng (đối với phường, xã, thị trấn đã hoàn thành công tác lập hồ sơ địa chính); Trường hợp phường, xã, thị trấn chưa hoàn thành công tác lập hồ sơ địa chính thì hộ gia đình, cá nhân liên hệ với đơn vị có giấy phép hành nghề đo đạc bản đồ hợp đồng đo vẽ lập bản đồ hiện trạng; Báo cáo thực trạng việc chấp hành pháp luật đất đai của người xin chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Xác nhận về điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 3 bản Quy định này; Lập Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trước khi trình Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thông báo niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trong thời gian 03 ngày làm việc.

Thời gian giải quyết của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn không quá 13 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian đo đạc lập bản đồ hiện trạng đối với khu vực chưa hoàn thành công tác lập hồ sơ địa chính). Trường hợp không đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do cho người xin chuyển mục đích sử dụng đất biết.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện là đầu mối thẩm định hồ sơ có trách nhiệm:

2.1. Thẩm định sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thẩm định tác động về vệ sinh, môi trường (đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sang làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh).

2.2. Chuyển hồ sơ kèm văn bản yêu cầu thẩm định sang Phòng Quản lý đô thị để được cung cấp thông tin về phạm vi hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, chỉ giới đường đỏ, quy hoạch kiến trúc, chứng chỉ quy hoạch (đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy

hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn). Trường hợp khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thì phải tổ chức thực hiện theo quy định về phân cấp thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-UB ngày 11/4/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2.3. Xin ý kiến thoả thuận của các tổ chức, đơn vị có liên quan thoả thuận về phòng cháy, chữa cháy, cấp điện, cấp thoát nước (đối với chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2.4 Trường hợp thửa đất xin chuyển mục đích sử dụng nằm liền kề khu vực đê, sông, kênh, mương; di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, quy hoạch phòng chống lũ; công trình an ninh, quốc phòng, thì Phòng Tài nguyên Môi trường phải xin ý kiến thoả thuận của Phòng Kinh tế kế hoạch và phát triển nông thôn, Phòng Văn hoá-Thông tin và Ban chỉ huy quân sự, Công an quận, huyện về phạm vi hành lang bảo vệ an toàn.

2.5. Tổng hợp các ý kiến đóng góp; nếu đủ điều kiện thì lập Tờ trình và soạn thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quy định về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, quy định cụ thể về quản lý đất đai và quản lý đầu tư và xây dựng.

Trường hợp có phần diện tích nằm trong phạm vi chỉ giới mở đường quy hoạch, hành lang bảo vệ an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật, đê, sông, kênh, mương; di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh; công trình an ninh, quốc phòng thì khi UBND quận, huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng; đồng thời phải quyết định thu hồi phần diện tích này, giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc UBND phường, xã, thị trấn quản lý.

Thời gian giải quyết các nội dung công việc tại mục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, 2.5 mục này không quá ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-UB ngày 11/4/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với khu vực chưa có quy hoạch).

3- Trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này (không kể thời gian hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất phải giải trình, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu bằng văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường khi tổ chức thẩm định), Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định.

Điều 8. Trách nhiệm triển khai thực hiện sau khi có Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

1- Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện Quyết định, cụ thể:

1.1. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện tổ chức bàn giao mốc giới trên bản đồ và ngoài thực địa phần diện tích đất được phép chuyển mục đích sử dụng cho người sử dụng đất và phần diện tích thu hồi (nếu có) cho cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để quản lý, sử dụng; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng đất lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm;

1.2. Phòng Tài chính quận, huyện xác định đơn giá thu tiền sử dụng đất; đơn giá thu tiền thuê đất theo quy định;

1.3. Chi cục Thuế quận, huyện thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sang làm đất ở; thu tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sang đất làm cơ sở sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng đất lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm; Thu tiền sử dụng đất trong thời hạn sử dụng đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sang đất cơ sở sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng đất lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác về đất theo quy định.

1.4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, huyện thu các loại phí theo quy định.

1.5. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, huyện lập trích lục bản đồ; trình UBND quận, huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi hộ gia đình, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất theo quy định.

1.6. Phòng Quản lý đô thị hướng dẫn lập hồ sơ cấp phép xây dựng công trình, làm thủ tục cấp phép và kiểm tra việc xây dựng theo Giấy phép đã cấp theo quy định.

1.7. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận, huyện chỉnh lý biến động đất đai, vào hồ sơ địa chính theo quy định, thông báo biến động về sử dụng đất về Văn phòng đăng ký đất và nhà Hà Nội;

1.8. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quản lý phần diện tích đất đã thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích của cộng đồng (nếu có); chỉnh lý biến động đất đai, cập nhật hồ sơ địa chính; kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai của người sử dụng đất, kịp thời phát hiện và xử lý vi

phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện.

1.9. Tổ chức quản lý chuyên ngành quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng quy định của pháp luật đất đai phần diện tích đã thu hồi của hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật, đê, sông, kênh, mương, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, công trình an ninh, quốc phòng và thực hiện việc bồi thường theo phương án được duyệt.

2. Hộ gia đình, cá nhân được phép chuyển mục đích sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất và các khoản nghĩa vụ tài chính khác theo quy định vào ngân sách Nhà nước chậm nhất là 06 tháng kể từ ngày ký Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Sau thời hạn trên nếu chưa thực hiện, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm bãi bỏ Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Phân công trách nhiệm

1. Sở Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Quy định này; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại địa bàn các quận, huyện và kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm:

2.1. Phân công nhiệm vụ, quy định trách nhiệm, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, các phòng, ban chuyên môn thực hiện các quy định tại bản quy định này; Tổ chức thẩm định hồ sơ theo đúng quy định;

2.2. Hướng dẫn sử dụng các biểu mẫu thực hiện các thủ tục hành chính trong việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại bản quy định này;

2.3. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chuyển mục đích sử dụng đất tại địa bàn các phường, xã, thị trấn; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách về việc chuyển mục đích sử dụng đất để

các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường, xã, thị trấn thực hiện đúng theo quy định này.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện quy định này nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết. ✓

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh